TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Tấn Tài**

2. Ông **Trương Phước Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh N do tự tìm hiểu được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, anh chị sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cải, tính tình không hợp nhau, anh N có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, gia đình hai bên không dàn xếp. Anh chị không còn chung

sống từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1996 (hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết); Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2001 hiện nay sống chung với chị Đ, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận không cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn N kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, đánh nhau. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đến nay, bà Đ gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, ông N biết N1ng không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Mặt khác, bà Đ xác định không còn tình cảm với ông N, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Nên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N1 - Sinh ngày 08/9/1996, đã trưởng thành nên không đề cập đến; cháu Nguyễn Thị H - Sinh ngày 06/10/2001, bà Đ yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 29/6/2019, cháu H có nguyện vọng sống với ông N nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu H cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn N.

- Ông Nguyễn Văn N được nuôi con chung tên Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải N1ng anh vắng mặt, cũng N1 không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú ấp An Quới, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa N1ng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn N sống chung với nhau vào năm 1997 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cải, anh N hay đánh đập chị, chị Đ, anh N không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1996 (hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết); Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2001 hiện nay sống chung với chị Đ, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu H sống ổn định với chị Đ vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh N cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu H thì cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị Đ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu H cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Đ xác định không có nợ chung, N1ng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Đ và anh N trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 10/7/1997 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/10/2001. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Đ xác định không có nợ chung, N1ng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung

của chị Đ và anh N trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013132 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Đ không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang;
-Các đương sự;
-Lưu.